TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **189**/2023/KDTM - PT.
Ngày: **25/8/2023**
V/v: *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 và 25/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 165/2023/TLPT - KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 45/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân quận NTL đã bị Công ty Cổ phần vật tư THN là nguyên đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **524**/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn**: Công ty Cổ phần vật tư THN

Trụ sở: Xóm CT, xã HS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang M – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Thành T

Địa chỉ liên hệ: Số 6, ngõ 23 đường YH, phường YN, quận HĐ , Hà Nội.

-**Bị đơn:** Công ty Cổ phần xây dựng SSVN (nay là Công ty Cổ phần phát triển SSVN)

Trụ sở : Tầng 9, tòa nhà S Center, số 16 PH, phường MĐ 2, quận NTL , Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Đ – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hiền Thị D

Thôn TN, xã DL, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Thành T, bà Hiền Thị D)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, và các bản khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần vật tư THN do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 15/08/2017, Công ty cổ phần Vật Tư THN (Trong hợp đồng được gọi là bên B) và Công Ty Cổ Phần xây dựng SSVN (Trong hợp đồng được gọi là bên A) có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số 1508/HĐNT/SS – HN ký ngày 15 tháng 08 năm 2017 về việc mua bán, cung cấp thép xây dựng các loại do các doanh nghiệp sản xuất.

Sau khi ký Hợp đồng, Bên A đã mua hàng của Bên B cụ thể như sau:

- Ngày 30 tháng 08 năm 2017 mua 1.385.665.963đ (có Hóa đơn GTGT số 0009342 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 30/8/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 30/8/2017 (bản sao chứng thực); Báo giá ngày 30/8/2017 (bản sao công chứng); Biên bản đối chiếu công nợ (và xác nhận thanh toán) ngày 30/8/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 01 tháng 09 năm 2017 mua 880.068.750đ (có Hóa đơn GTGT số 0009437 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 01/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 01/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 01/9/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 11 tháng 09 năm 2017 mua 2.196.319.400đ (có Hóa đơn GTGT số 0009699 ngày 11/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 11/09/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa (bản sao công chứng); Báo giá (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 16 tháng 09 năm 2017 mua 1.420.973.950đ (có Hóa đơn GTGT số 0009909 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 16/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 16/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 16/9/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 16 tháng 09 năm 2017 mua 1.825.433.060đ (có Hóa đơn GTGT số 0009910 ngày 16/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 16/09/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 16/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 16/09/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 20 tháng 09 năm 2017 mua 1.488.534.960đ (có Hóa đơn GTGT số 0000114 ngày 20/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 20/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày

20/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 20/9/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).

- Ngày 21 tháng 09 năm 2017 mua 1.483.843.460đ (có Hóa đơn GTGT số 0000156 ngày 21/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 21/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 21/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 21/9/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 22 tháng 09 năm 2017 mua 198.489.885đ (có Hóa đơn GTGT số 0000183 ngày 22/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 22/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 22/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 22/9/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 22 tháng 09 năm 2017 mua 992.285.470đ (có Hóa đơn GTGT số 0000172 ngày 22/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 22/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 22/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 22/9/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 23 tháng 9 năm 2017 mua 288.974.015đ (có Hóa đơn GTGT số 0000269 ngày 23/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 23/9/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 23/9/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 23/9/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 30/9/2017, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 12.160.588.913 đồng.
- Ngày 19 tháng 10 năm 2017 mua 1.424.000.930đ (có Hóa đơn GTGT số 0001225 ngày 19/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 18/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 18/10/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 18/9/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 21 tháng 10 năm 2017 mua 2.261.966.520đ (có Hóa đơn GTGT số 0001268 ngày 21/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 20/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 20/10/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 20/10/2017 (bản sao chứng thực) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 24 tháng 10 năm 2017 mua 1.143.523.150đ (có Hóa đơn GTGT số 0001377 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 24/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 24/10/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 24/10/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).
- Ngày 25 tháng 10 năm 2017 mua 1.052.074.100đ (có Hóa đơn GTGT số 0001406 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 25/10/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 25/10/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 25/10/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo).

- Ngày 31/10/2017, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 18.042.153.613 đồng.
- Ngày 24 tháng 11 năm 2017 mua 1.081.179.495đ (Có Hóa đơn GTGT số 0004026 ngày 24/11/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 24/11/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 24/11/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 21/11/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo)
- Ngày 24 tháng 11 năm 2017 mua 959.075.755đ (Có Hóa đơn GTGT số 0004023 ngày 24/11/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 24/11/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 24/11/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 23/11/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo)
- Ngày 30/11/2017, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 14.816.674.150 đồng.
- Ngày 02 tháng 12 năm 2017 mua 1.916.631.915đ (Có Hóa đơn GTGT số 0004951 ngày 02/12/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 02/12/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 02/12/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 27/11/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo)
- Ngày 02 tháng 12 năm 2017 mua 107.117.010đ (Có Hóa đơn GTGT số 0004965 ngày 02/12/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 02/12/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 02/12/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 27/11/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo)
- Ngày 06 tháng 12 năm 2017 mua 1.389.517.360đ (Có Hóa đơn GTGT số 0005162 ngày 06/12/2017 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 06/12/2017 (bản sao công chứng); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 06/12/2017 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 02/12/2017 (bản sao công chứng) xác nhận giá trị mua hàng kèm theo)
- Ngày 31/12/2017, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 12.229.940.435 đồng.
- Ngày 11 tháng 01 năm 2018 mua 991.788.820đ (Có Hóa đơn GTGT số 0006760 ngày 11/01/2018 (sao y bản chính công ty); Biên bản giao nhận ngày 11/01/2018 (sao y bản chính công ty); Biên bản xác nhận giá trị hàng hóa ngày 11/01/2018 (bản sao công chứng); Báo giá ngày 10/01/2018 (bản sao công chứng)
- Ngày 31/07/2018, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 6.221.729.255 đồng.
- Ngày 31/08/2018, Hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ, Hai bên xác nhận Bên A còn nợ Bên B số tiền là: 4.221.729.255 đồng.

Tổng giá trị tiền hàng đã mua bán là: 24.487.463.968đồng.

Trong quá trình mua bán hàng, Bên A đã thanh toán cho bên B tổng số tiền 24.487.463.968 đồng. Trong đó:

Ngày 15/11/2017 thanh toán 2.265.734.713đ

Ngày 21/11/2017 thanh toán 3.000.000.000đ

Ngày 01/12/2017 thanh toán 2.000.000.000đ
Ngày 15/12/2017 thanh toán 1.000.000.000đ
Ngày 29/12/2017 thanh toán 3.000.000.000đ
Ngày 11-12/01/2018 thanh toán 2.000.000.000đ
Ngày 31/01/2018 thanh toán 3.000.000.000đ
Ngày 05/02/2018 thanh toán 2.000.000.000đ
Ngày 03/8/2018 thanh toán 1.000.000.000đ
Ngày 30/8/2018 thanh toán 1.000.000.000đ
Ngày 08/11/2018 thanh toán 1.000.000.000đ
Ngày 26/11/2018 thanh toán 1.000.000.000đ
Ngày 05/12/2018 thanh toán 1.221.729.255đ
Ngày 21/12/2018 thanh toán 1.000.000.000đ
Tổng số tiền đã thanh toán đến 21/12/2018: 24.487.463.968 đồng. (Hết nợ gốc)
Theo Hợp đồng và các Báo giá, hai bên có thỏa thuận: Quá hạn thanh toán thì Bên mua phải chịu lãi với lãi suất 0,05%/ngày trong suốt thời gian quá hạn.
Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005, Điều 357, Khoản 3, Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về lãi suất chậm thanh toán.
Theo thỏa thuận và quy định trên, ngoài số tiền gốc nợ phải trả, Bên A còn phải trả Bên B tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với số tiền thanh toán chậm với mức lãi suất 0.05%/ngày trong suốt thời gian quá hạn.
Theo Bảng tính nợ gốc và lãi chậm trả, Quý Công ty đã thanh toán chậm một số ngày so với tiến độ đã thỏa thuận tại Hợp đồng và báo giá, cụ thể:
Số tiền lãi chậm trả còn phải thanh toán tính đến ngày 21/12/2018 là:

STT	Nội dung nợ	Số tiền nợ
1	- Số tiền gốc còn nợ phải trả là: 0 đ	
2	- Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là	1.233.553.874 đ
3	-Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 21/12/2018 là:	1.233.553.874 đ

Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi tư đồng.
Từ khi bên A lấy hàng tới nay, chúng tôi đã đến đôn đốc, nhắc nhở đòi nợ rất nhiều lần, gọi điện thoại, gửi công văn, văn bản đề nghị thanh toán nhưng Bên A không thanh toán đúng hạn gây khó khăn cho chúng tôi, gây thiệt hại nghiêm trọng cho chúng tôi về số tiền lãi nêu trên.
Vì vậy chúng tôi khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần xây dựng SSVN phải thanh toán cho chúng tôi số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là 1.233.553.874 đồng (Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi tư đồng).
Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn – Công Ty Cổ Phần xây dựng SSVN trình bày:
Ngày 15/8/2017, Công ty CP vật tư Thép Hà Nội và Công Ty Cổ Phần xây dựng SSVN (SSH) đã ký Hợp đồng mua bán số 1508/2017/HĐNT/SS-HN ("HĐMB") theo đó các bên thỏa thuận thời gian thanh toán là từ 45-60 ngày kể từ ngày nhận hàng.
Căn cứ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2017; ngày 31/12/2017; ngày

31/7/2018 và ngày 31/8/2018 chỉ ghi nhận nợ gốc phải trả, không thể hiện số tiền lãi chậm trả.

Tháng 7/2022, SSH nhận được Thông báo thụ lý số 30/2022/TLST-KDTM ngày 17/6/2022 của TAND quận Nam Từ Liêm, trong đó thể hiện: Công ty Thép Hà Nội không đòi tiền gốc mà chỉ đòi tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là 1.233.553.874 đồng.

Căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016 của Hội đồng thẩm phán quy định về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự; Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện hợp đồng; Căn cứ theo Biên bản đối chiếu công nợ gần đây nhất là ngày 31/8/2018 Công ty Thép Hà Nội đã hết quyền khởi kiện yêu cầu phần lãi chậm trả này do đã hết thời hiệu khởi kiện ngày cuối cùng Công ty Thép Hà Nội có quyền khởi kiện là 01/9/2021).

Ngoài ra, SSH đặt câu hỏi về tính chính xác, tin cậy của các thông tin mà Công ty Thép Hà Nội cung cấp:

- Về mặt thực tế từ cuối năm 2018 đến nay giữa hai công không có bất kỳ liên hệ hay giao dịch nào khác, đồng thời sau khi tra cứu lại toàn bộ hồ sơ sổ sách, SSH không thấy có công văn nào đề nghị tính tiền lãi mà Công ty Thép Hà Nội gửi đến.
- Theo Công ty Thép Hà Nội, Công ty có 02 Công văn số 26/CV-TTCN ngày 25/12/2020 và Công văn số 212/TTCN ngày 21/01/2021 yêu cầu SSH thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là: 986.843.009 đồng. Tuy nhiên, sau khi tra cứu mã vận đơn thì thấy rằng 02 vận đơn mà Công ty Thép Hà Nội nộp kèm đơn khởi kiện không tồn tại (SSH nộp kèm bằng chứng tra cứu vận đơn này).

Bên cạnh đó, có sự sai khác về số tiền lãi chậm trả tính đến thời điểm 21/12/2018, cụ thể: trong tài liệu sao chụp tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, tại Công văn số 26/CV-TTCN ngày 25/12/2020 và Công văn số 212/TTCN ngày 21/01/2021, Công ty Thép Hà Nội yêu cầu SSH thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là: 986.843.009 đồng, nhưng trong Đơn khởi kiện và các văn bản khác gửi Tòa thì Công ty Thép Hà Nội lại yêu cầu SSH thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày 21/12/2018 là 1.233.553.874 đồng.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, SSH đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Công ty Thép Hà Nội. Căn cứ theo các quy định pháp luật, yêu cầu đòi nợ lãi chậm trả của Công ty Thép Hà Nội đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, Công ty cổ phần phát triển SSVN yêu cầu Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 45/2022/KDTM- ST ngày 12/9/2022 của của Tòa án nhân dân quận NTL đã quyết định.

Đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2022/KDTM ngày 17/6/2022 về việc: "Tranh chấp phát sinh từ HĐ mua bán hàng hóa" giữa nguyên đơn: Công ty cổ phần Vật Tư THN đối với bị đơn: Công Ty Cổ Phần xây dựng SSVN (nay là Công ty cổ phần phát triển SSVN) - do hết thời hiệu khởi kiện.

Trả lại đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo cho Công ty CP vật tư THN .

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2022, nguyên đơn là Công ty Cổ phần vật tư THN đã kháng toàn bộ bản án sơ thẩm về đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình bản chính biên bản họp ngày 15/11/2017 ở mục 1 có nội dung lãi chậm thanh toán, hai bên kế toán đối chiếu và thống nhất phương án xử lý sau. Việc các bên ký biên bản ngày 31/8/2018 về việc đối chiếu nợ gốc mà không nói gì đến tiền lãi là do các bên đã thống nhất thỏa thuận sau. Lý do nguyên đơn chưa đòi tiền lãi luôn đối với bị đơn là do bị đơn là đối tác lớn của nguyên đơn cũng như thời điểm đó dịch covid diễn biến phức tạp trên cả nước khiến các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn nên nguyên đơn cũng để cho bị đơn một khoảng thời gian để bị đơn tự nguyện thu xếp trả tiền lãi. Sau khi hết dịch Covid 19, nguyên đơn có gửi công văn cho bị đơn để nhắc nợ và có cử người sang làm việc nhưng không được bị đơn phản hồi nên nguyên đơn mới khởi kiện tại Tòa án. Việc khởi kiện của nguyên đơn là còn trong thời hiệu do các bên chưa thống nhất cụ thể thời điểm trả nợ lãi (thống nhất sau) nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu là không có căn cứ

Bị đơn trình bày:

Sau khi xem bản chính biên bản họp ngày 15/11/2017, bị đơn xác nhận biên bản làm việc giữa hai công ty có nội dung như trên. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng biên bản đối chiếu công nợ sau đó vào ngày 31/8/2018 là biên bản đối chiếu công nợ sau cùng. Biên bản này (ngày 15/11/2017) là biên bản có trước biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2018. Tại biên bản này, các bên không hề nhắc nhở gì đến khoản nợ lãi. Bị đơn cũng không hề nhận được văn bản gì của nguyên đơn về việc đòi bị đơn nợ lãi như nguyên đơn trình bày nên đến ngày 03/12/2021, nguyên đơn mới khởi kiện bị đơn là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng cáo: Có căn cứ xác định bị đơn chậm thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Về yêu cầu áp dụng thời hiệu: Ngày 21/12/2018 là ngày bị đơn thanh toán cho nguyên đơn hết nợ gốc. Tuy nhiên, đến khi nộp đơn khởi kiện thì nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện. Về việc nguyên đơn gửi công văn cho bị đơn thấy: Các tài liệu mà nguyên đơn gửi bị đơn không làm thay đổi bản chất của vụ án, không thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, đơn kháng cáo của Công ty THN nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán. Bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng Sunshine có trụ sở tại Tòa nhà Sunshine Center, số 16 Phạm Hùng, phường MĐ 2, quận NTL , thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận NTL xét xử vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định.

[2]. Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty THN kháng cáo toàn bộ bản án do bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét kháng cáo của Công ty THN , hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Ngày 15/8/2017, nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng mua bán thép xây dựng với các nội dung cơ bản: Nguyên đơn đồng ý cung cấp thép xây dựng cho bị đơn tại các dự án tại Hà Nội. Giá trị hợp đồng theo khối lượng tại công trường. Việc thanh quyết toán hợp đồng thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được bị đơn nghiệm thu. Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 100% tổng giá trị lô hàng trong vòng 45-60 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu bị đơn không thah toán đầy đủ và đúng hạn cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu thêm phần lãi suất quá hạn 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng/tổng số tiền chậm thanh toán nhưng không quá 15 ngày.

Ngoài các nội dung trên, hợp đồng còn thể hiện các thỏa thuận khác của các bên về quyền, nghĩa vụ, chấm dứt hợp đồng, bồi thường thiệt hại và một số nội dung khác.

Về việc ký kết hợp đồng mua bán nêu trên, tại các cấp Tòa án, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc ký kết hợp đồng mua bán nêu trên là có thật và do các bên tự nguyện ký kết nên hợp đồng phát sinh hiệu lực pháp luật.

Thực hiện hợp đồng mua bán, nguyên đơn đã nhiều lần giao hàng cho bị đơn theo thỏa thuận. Bị đơn cũng đã thanh toán từng đợt cho nguyên đơn.

Theo các biên bản đối chiếu công nợ, các hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận có chữ ký của các bên thể hiện: Tổng tiền hàng (thép) mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn: 24.487.463.968 đồng. Tính đến ngày 21/12/2018 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 24.487.968 đồng nêu trên

Tại Tòa án các cấp, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận bị đơn đã thanh toán hết nợ gốc và không phát sinh tranh chấp gì về nợ gốc. Tuy nhiên, các bên có tranh chấp về nợ lãi.

Nguyên đơn cho rằng tại hợp đồng mua bán các bên đã có thỏa thuận về lãi, bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán nên phải chịu nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận. Nguyên đơn trình bày, ngày 25/12/2020 và ngày 22/01/2021 nguyên đơn đã gửi văn bản đòi nợ lãi đến bị đơn thông qua dịch vụ chuyển phát Net Post có mã bưu gửi lần lượt là 001280816 và 001228390. Bị đơn cho rằng bị đơn không nhận được 02 văn bản như nguyên đơn trình bày và tra mã bưu gửi như nguyên đơn cung cấp thì không tồn tại đồng thời bị đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu tuyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện.

Xét yêu cầu của bị đơn về việc đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Như đã phân tích nêu trên, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán nên Luật áp dụng là Luật thương mại. Theo quy định tại điều 319 Luật thương mại thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình tài liệu mới là Biên bản họp ngày 15/11/2017 giữa đại diện nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Phương – Phó Giám đốc Công ty THN) và đại diện bị đơn (bà Đỗ Thị Đ – Phó Tổng giám đốc phụ trách vật tư – nay là Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Sunshine Việt Nam). Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/8/2023, các bên đều thừa nhận việc ký kết biên bản họp này. Biên bản họp này có nội dung về xử lý công nợ quá hạn, đến hạn và một số nội dung khác. Theo đó, có nội dung: "Lãi chậm thanh toán: 2 bên kế toán đối chiếu và thống nhất phương án xử lý sau".

Như vậy, tính đến thời điểm 15/11/2017 các bên đã có thỏa thuận về lãi là các bên sẽ tính toán và có phương án xử lý sau.

Ngày 31/8/2018 các bên đối chiếu công nợ cuối cùng là về nợ gốc bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 4.221.729.255 đồng, không nhắc gì đến nợ lãi và đến ngày 21/12/2018 hai bên xác nhận bị đơn đã thanh toán xong hết số nợ gốc này. Bị đơn cho rằng biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng này không nhắc gì về nợ lãi nên kể từ ngày bị đơn thanh toán xong (21/12/2018) đến ngày nguyên đơn khởi kiện (03/12/2021) là đã hết thời hiệu khởi kiện về nợ lãi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Như đã viện dẫn nêu trên, biên bản ngày 15/11/2017 các bên đã thống nhất về lãi thì hai bên sẽ đối chiếu và thống nhất phương án xử lý sau. Như vậy, nghĩa vụ về nợ lãi đã được các bên xác lập và chưa ấn định rõ thời điểm thanh toán mà xử lý sau. Vì vậy, không áp dụng thời hiệu trong trường hợp các bên thỏa thuận nghĩa vụ sau. Vì vậy, nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu về nợ lãi của nguyên đơn vì còn thời hiệu là có căn cứ.

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không xuất trình tài liệu là biên bản họp ngày 15/11/2017 nên cấp sơ thẩm đã nhận định yêu cầu về lãi của nguyên đơn là hết thời hiệu và không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình tài liệu mới nên việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm là có căn cứ, cấp sơ thẩm không có lỗi về việc này.

Về yêu cầu nợ lãi:

Theo hợp đồng mua bán đã ký kết, các bên có thỏa thuận: Bên mua sẽ thanh toán cho bên bán 100% tổng giá trị lô hàng trong vòng 45-60 ngày kể từ ngày nhận

hàng. Bên mua không thanh toán đầy đủ và đúng hạn thì phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cơ bản của ngân hàng/tổng số tiền chậm thanh toán nhưng không quá 15 ngày. Tại các bảng báo giá được hai bên xác nhận thể hiện: Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ khi giao nhận có biên bản. Quá hạn thanh toán thì phải chịu lãi suất với lãi suất 0,05%/ngày trong suốt thời gian quá hạn. Theo đó, tại bảng kê tính nợ gốc và lãi chậm trả đến thời điểm ngày 21/12/2018 thì nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền lãi chậm trả là 1.233.553.874 đồng là có căn cứ, phù hợp thỏa thuận của các bên và đúng quy định.

Bị đơn cho rằng theo hai công văn mà nguyên đơn xuất trình mà chỉ yêu cầu nợ lãi là 986.843.099 đồng nhưng nay lại yêu cầu số tiền lãi là 1.233.553.874 đồng là không thống nhất. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày có sự chênh lệch như vậy là do bị đơn là đối tác lớn, thời điểm đó có khó khăn nên nguyên đơn mới tự nguyện giảm trừ lãi nhưng nay do bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn tính lãi theo đúng thỏa thuận. Mặt khác, theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm xét xử sơ thẩm (12/9/2022), tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 21/12/2018 (là ngày bị đơn thanh toán xong khoản nợ gốc) là thể hiện thiện chí và đã rất có lợi cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chưa phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, thấy rằng: Trong vụ án này chỉ có nguyên đơn là Công ty THN kháng cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại ban hành 02 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và yêu cầu người kháng cáo phải nộp tạm ứng án phí với tổng số tiền là 4.000.000 đồng đối với 02 thông báo nộp tiền tạm ứng án phí là không đúng quy định tại Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ các điều: 238; 296; 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các điều: 154,157, 385, 430 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ: Điều 24, Điều 319 Luật thương mại

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần vật tư THN . Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 45/2022/KDTM-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân quận NTL , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần vật tư THN đối với Công ty Cổ phần xây dựng SSVN (Nay là Công ty Cổ phần phát triển SSVN).

2. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng SSVN (Nay là Công ty Cổ phần phát triển SSVN) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần vật tư THN số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 21/12/2018 là 1.233.553.874 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Công ty Cổ phần xây dựng SSVN (Nay là Công ty Cổ phần phát triển SSVN) phải chịu 49.006.161 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần vật tư THN 24.503.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số 34412 ngày 16/6/2022 số 34792 ngày 08/10/2022 và số 34699 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL , thành phố Hà Nội của Chi cục thi hành án dân sự quận NTL , thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 25/8/2023.

Nơi nhận:
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. Đống Đa;
- Chi cục THADS Q. Đống Đa;
- Đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Minh Thành